

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 133/2023/DS-ST.

Ngày: 11-9-2023.

“*V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Đức Tâm.

2. Ông Trần Thái Sơn.

- Thư ký phiên tòa: ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 262/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Lê Tấn B, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, ông B và bà T vắng mặt (ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, biên bản lấy lời khai của đương sự, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt, nguyên đơn là ông Lê Tấn B trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 15/02/2021, bà Nguyễn Thị T mượn ông số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để nuôi bò tạo thêm thu nhập cho gia đình. Theo “Giấy mượn tiền” hai bên không có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả là 03 tháng kể từ ngày 15/02/2021 đến ngày 15/5/2021. Tuy nhiên khi nợ đến hạn, bà T không trả cho ông số tiền nêu trên. Vì vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và yêu cầu bà

T trả lãi cho ông theo quy định pháp luật tính từ ngày 16/5/2021 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đồng thời mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của ông B.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn ông Lê Tấn B đã tuân thủ và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn bà Nguyễn Thị T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Như vậy, bà T không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Về việc giải quyết vụ án, căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Tấn B.

Buộc bà Nguyễn Thị T trả cho ông Lê Tấn B số tiền nợ vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự (0.83%) từ ngày 16/5/2021 đến ngày Tòa án xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Lê Tấn B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền mà bà T đã mượn của ông. Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, việc mượn tiền giữa các bên là hợp đồng vay tài sản. Bà T là bị đơn trong vụ án cư trú tại thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ông B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vụ án vắng mặt ông B và bà T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Lê Tấn B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay là 20.000.000

đồng (hai mươi triệu đồng) và trả lãi. Căn cứ ông B khởi kiện là “Giấy mượn tiền” có chữ ký và chữ viết đề tên “Nguyễn Thị T” bên mục “Người nhận tiền”.

[2.2] Với yêu cầu và căn cứ khởi kiện của ông B, Tòa án đã T hành tổng đạt đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn cho bà T nhưng bà T không có ý kiến phản đối và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[2.3] Căn cứ “Giấy mượn tiền” nêu trên xét thấy nội dung “Giấy mượn tiền” thể hiện ngày 15/02/2021 bà T có vay của ông B số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 15/02/2021 đến ngày 15/5/2021), bà T có ký tên và ghi rõ họ tên. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi. Bên cho vay là ông B, bên vay là bà T. Do nợ đến hạn nhưng bà T không trả cho ông B số tiền nêu trên là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho ông số tiền này là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Về tiền lãi: ông B yêu cầu bà T trả lãi cho ông theo quy định pháp luật tính từ ngày 16/5/2021 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi nên căn cứ vào khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự thì ông B có quyền yêu cầu bà T trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Như vậy, việc ông B yêu cầu tính ngày 16/5/2021 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật. Tiền lãi được tính là 20.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 03 tháng 25 ngày = 4.638.889 đồng (bốn triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

[2.5] Tổng cộng bà T có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền là 20.000.000 đồng + 4.638.889 đồng = 24.638.889 đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm là phù hợp nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: 5% của số tiền 24.638.889 đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) là 1.231.944 đồng (một triệu hai trăm ba mươi một nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Ông B không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Tấn B.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Tấn B số tiền 24.638.889 đồng (hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng). Trong đó, tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 4.638.889 đồng (bốn triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Tấn B không phải chịu án phí.

Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí là 1.231.944 đồng (một triệu hai trăm ba mươi một nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền